

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRĂNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST
Ngày 13-7-2023.
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRĂNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hùng

Ông Bùi Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trăng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1959, địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25-5-2022 và qua làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà và bà L bà con quen biết chòm xóm nhau, bà làm chủ hội, bà L hội viên có tham gia của bà các dây hội cụ thể:

- Dây 1: Hụi 1.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 10-8-2018, gồm 22 phần, mẫn ngày 10-5-2020, hụi ăn hoa hồng. Khai kỳ thứ 2 ngày 10-9-2018 bà L kêu 300.000 đồng hốt được số tiền 14.600.000, trừ tiền hoa hồng 450.000 đồng, số tiền thực nhận là 14.150.000 đồng. Bà L đóng hụi chết đến tháng 7-2019, từ tháng 8-2019 bà L không đóng hụi chết cho bà, tính đến mẫn bà L thiếu bà 10 tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng là 10.000.000 đồng;

- Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 10-5-2018 (âl), gồm 23 phần, mẫn ngày 10-3-2020 (âl). Khai kỳ thứ 5 ngày 10-9-2018 âl bà L kêu 180.000 đồng hốt được số tiền 18.760.000, trừ tiền hoa hồng 450.000 đồng, số tiền thực nhận là 18.310.000 đồng. Bà L đóng hụi chết đến tháng 5-2019 (âl), từ tháng 6-2019 âl đến nay bà L không đóng hụi chết cho bà, tính đến mẫn bà L thiếu 10 tháng mỗi tháng 1.000.000 đồng là 10.000.000 đồng;

- Dây 3: Hụi 2.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 30-10-2018 (âl), gồm 24 phần, mẫn ngày 30-8-2020 (âl). Khai kỳ thứ 3 ngày 30-12-2018 (âl) bà L kêu 630.000 đồng hốt được số tiền 32.770.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 900.000 đồng, số tiền thực nhận là 31.870.000 đồng. Bà L đóng hụi chết đến tháng 5-2019 (âl), từ tháng 6-2019 (âl) đến nay bà L không đóng hụi chết cho bà, tính đến mẫn bà L thiếu 16 tháng mỗi tháng 2.000.000 đồng, là 32.000.000 đồng. Tổng cộng ba dây hụi là 52.000.000 đồng. Bà nhiều lần đòi nợ, bà L hứa mà không trả, sau đó bỏ đi luôn. Nay bà yêu cầu bà L phải trả tiền hụi là 52.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Chứng cứ là ba tờ giấy có chữ ký, chữ viết nhận tiền hụi của bà Trần Thị L. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Trần Thị L đã được Toà án triệu tập đến làm việc, dự phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải nhưng bà không đến, cũng không cung cấp lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn đã được niêm yết đầy đủ thủ tục nhưng vẫn vắng mặt, nên đề nghị xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 19 ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phưởng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với bà Trần Thị L. Buộc bà L có nghĩa vụ trả lại cho bà X số tiền 52.000.000 đồng; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: bị đơn đã được niêm yết đầy đủ thủ tục nhưng vẫn vắng mặt, nên đưa ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: bà Xuân kiện bà L yêu cầu trả tiền hội, Toà án thụ lý xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng góp hội là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*: bà X là chủ hội, bà L là hội viên, có tham gia 02 dây hội 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-8-2018, ngày 10-9-2018 bà L hót được số tiền đã trừ hoa hồng còn lại 14.150.000 đồng; dây hội mở ngày 10-5-2018 (âl), ngày 10-9-2018 (âl) bà L hót được số tiền đã trừ tiền hoa hồng còn lại 18.310.000 đồng; 01 dây hội 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 30-10-2018 (âl), ngày 30-12-2018 (âl) bà L hót được số tiền đã trừ tiền hoa hồng còn lại 31.870.000 đồng. Sau đó bà L có đóng hội đến tháng 8-2019 thì ngưng và bỏ nhà đi lần tránh, tính đến mãn của ba dây hội thì bà L còn nợ bà X 52.000.000 đồng, nên bà X khởi kiện.

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: bà X căn cứ giấy nhận tiền hót hội có bà L ký tên để làm chứng cứ khởi kiện. Qua đối chiếu với ngày hót hội, số tiền thì phù hợp, đây là căn cứ để xem xét.

[3.2] Tại Kết luận giám định số 519 ngày 12-5-2023 thể hiện:

- Chữ viết mang tên Trần Thị L được đóng khung màu đỏ trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) với chữ viết đứng tên Trần Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01 đến M05); trên 01 “TỜ KHAI CĂN CƯỚC CÔNG DÂN”, họ, chữ đệm và tên TRẦN THỊ L, số CMND/CCCD 290718682, đề ngày 12 tháng 11 năm 2018 và trên 01 (Một) “PHIẾU THU NHẬN THÔNG TIN CĂN CƯỚC CÔNG DÂN”, Họ, chữ đệm và tên TRẦN THỊ L, số thẻ CCCD 072.181.003.850, không đề ngày, tháng, năm là do cùng một người viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận Chữ ký mang tên Trần Thị L được đóng khung màu đỏ trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3) với chữ ký đứng tên Trần Thị L trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01 đến M05); trên 01 “TỜ KHAI CĂN CƯỚC CÔNG DÂN”, họ, chữ đệm và tên TRẦN THỊ L, số CMND/CCCD 290718682, đề ngày 12 tháng 11 năm 2018 và trên 01 (Một) “PHIẾU THU NHẬN THÔNG TIN CĂN CƯỚC CÔNG DÂN”, Họ, chữ đệm và tên TRẦN THỊ L, số thẻ CCCD 072.181.003.850, không đề ngày, tháng, năm có phải do cùng một người ký ra hay không.

Từ căn cứ trên có cơ sở xác định bà L có viết tên trong ba tờ giấy hót hội ngày 10-9-2018, ngày 10-9-2018 (âl) và ngày 30-12-2018 (âl).

Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà L. Buộc bà L phải trả lại cho bà X số tiền 52.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[3.3] Ghi nhận bà X không yêu cầu tính lãi suất.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của bà X được chấp nhận nên bà L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Chi phí giám định: do yêu cầu của bà X được chấp nhận nên bà L phải chịu chi phí giám định là 3.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 160 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ghi nhận bà X đã nộp 3.000.000 đồng và Tòa án đã thanh toán xong, nên số tiền bà L nộp sẽ trả lại cho bà X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 147, 160, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 16, 17 của Nghị định 19 ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hụi, họ biếu, phường; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” đối với bà Trần Thị L.

Buộc bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền hụi là 52.000.000 (*Năm mươi hai triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3 Án phí: bà Trần Thị L chịu 2.600.000 (*Hai triệu sáu trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chi phí trưng cầu giám định: bà Trần Thị L phải chịu 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng chi phí giám định. Ghi nhận bà X đã nộp và Tòa án đã thanh toán xong, nên số tiền bà L nộp sẽ trả lại cho bà X.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)
Nguyễn Thị An